

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở nấu thịt bò, bắp mỹ, hành tây, hạt cà ri, ngô gai, húng quế, hoa hồi, cải dúng
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá trắm sốt chanh dây, hành baro
- Canh tần ô nấu thịt heo, nấm kim châm, hành lá
- Bàu luộc
Xế: Nước sâm
Xế chiều: Bún gạo xào hải sản (tôm tươi, mực, cà rốt, hẹ lá, cải thìa, su su, bông cải xanh, hành lá, ngô rí)

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	3,700	3,880	143,560
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
6	0004	Gạo tẻ máy	7,500	2,560	192,000
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	6,300	28,350
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
10	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
11	N0850	Mỡ heo sống	600	10,300	61,800
12	0013	Bánh phở	2,200	8,800	193,600
13	0007	Ngô bắp tươi	700	4,200	29,400
14	0716	Cải dún (nhúng)	600	5,990	35,940
15	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
16	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
17	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
18	0286	Thịt bò loại II	1,300	36,750	477,750
19	0662	Chanh dây	600	4,940	29,640
20	0186	Tỏi tây (cà lá)	400	8,610	34,440
21	0402	Cá trắm cỏ	6,800	18,900	1,285,200
22	0083	Bầu	1,200	3,990	47,880
23	N0965	Nấm kim châm	700	10,610	74,270

24	N0770	Thịt nạc dăm	1,100	17,850	196,350
25	N0909	Nước sâm	4,000	2,630	105,200
26	0653	Bún khô	3,100	4,950	153,450
27	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	600	8,720	52,320
28	0089	Cà rốt	600	5,780	34,680
29	0124	Hẹ lá	150	5,570	8,355
30	0180	Su su	700	3,050	21,350
31	0632	Mực ống	900	36,650	329,850
32	0424	Tôm sú	1,000	30,980	309,800
33	0457	Sữa bột toàn phần	4,172.9	20,500	855,444
34	N0767	Rau dền đỏ	2,800	4,730	132,440
35	0097	Cải thìa (cải trắng)	600	5,460	32,760
36	0739	Hoa hời	40	61,600	24,640
Tổng cộng					5,142,999

Tổng tiền thực phẩm	5,142,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,143,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	86,950,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	86,949,995

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan